

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Đức

Ông Triệu Hồng Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; trú tại: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1979; trú tại: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ánh Q – Giám đốc Ngân hàng C (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ánh Q: Ông Vương Hồng Q – Phó giám đốc Ngân hàng C (Theo văn bản ủy quyền số 143/UQ-NHCS ngày 21/7/2021) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07/6/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân D ngày 08/10/2002, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới, chị về làm dâu và chung sống cùng

gia đình anh D, đến tháng 02/2003, vợ chồng chị ra ở riêng trên nhà và đất của bố mẹ đẻ chị. Năm 2010, vợ chồng lại quay về chung sống cùng gia đình anh D đến năm 2012 vợ chồng chị lại chuyển về ở riêng trên nhà và đất của bố mẹ chị cho mượn. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D chơi bời cờ bạc, chị nghi ngờ anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị và anh D đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 20/8/2003 và Nguyễn Thị C, sinh ngày 05/6/2005. Hiện nay 02 cháu đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân D trình bày: Anh kết hôn với chị N ngày 08/10/2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc gì, sau khi cưới vợ chồng anh sống riêng trên đất của bố mẹ vợ, có sẵn ngôi nhà cấp 4, sau đó vợ chồng sửa chữa ngôi nhà đó và sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống, ban đầu hai vợ chồng sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh chưa đồng ý ly hôn vì hai vợ chồng chưa giải quyết xong về tài sản và công nợ.

Về con chung: anh và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 20/8/2003 và cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 05/6/2005, nếu ly hôn anh để chị N nuôi cả hai cháu, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Năm 2019, thông qua hội phụ nữ của xã Q, vợ chồng anh có vay 50.000.000đ và 12.000.000đ theo chương trình nước sạch của địa phương, để xây chuồng trại chăn nuôi (vay của Ngân hàng C). Khi ly hôn, anh để chị N quản lý sử dụng thửa đất và tài sản trên đất của vợ chồng (thửa đất tại thôn T, xã Q) mà vợ chồng xây dựng được và phải trả các khoản nợ trên. Đến ngày 12/8/2021, anh xin rút yêu cầu về tài sản và công nợ, anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản là nhà đất và công nợ của vợ chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C (người đại diện) trình bày: Ngày 25/8/2016 hộ gia đình anh Nguyễn Xuân D (gồm vợ chồng anh D và chị N) có vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng C 50.000.000đ theo chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo (không có tài sản bảo đảm), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 0,6875%/tháng, kỳ trả nợ là 12 tháng/lần.

Ngày 08/10/2016, hộ gia đình anh Nguyễn Xuân D (gồm vợ chồng anh D và chị N) tiếp tục vay vốn của phòng giao dịch Ngân hàng C 12.000.000đ theo

chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (không có tài sản bảo đảm), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 0,75%/tháng, kỳ trả nợ là 6 tháng/lần.

Trong quá trình vay nợ, hộ gia đình anh Nguyễn Xuân D chưa trả nợ gốc lần nào cho ngân hàng, đến nay còn nợ gốc là 62.000.000đ và tiền lãi là: đối với khoản vay 50.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 15.734.478đ, lãi quá hạn: 2.400.412đ; đối với khoản 12.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 4.119.572đ

Nay vợ chồng anh D chị N ly hôn và không đề nghị giải quyết về tài sản và công nợ nên Ngân hàng không đề nghị anh D, chị N phải có trách nhiệm trả nợ trong vụ án này. Sau này có yêu cầu thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh D, về con chung giao cả hai con cho chị N nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N đối với bị đơn là anh Nguyễn Xuân D. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 07/6/2021 chị Nguyễn Thị N có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân D. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị N chỉ đề nghị Tòa án giải quyết về hôn nhân và con chung. Ngày 29/6/2021, anh D đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ, tuy nhiên khi Tòa án thông báo cho anh D nộp chi phí tố tụng thì anh D không nộp không có lý do. Đến ngày 12/8/2021 anh D rút yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ, tại phiên tòa anh D tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết về công nợ, tài sản là sau ngày Tòa án đã mở phiên họp và đã mở phiên tòa nên theo quy định tại khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 210, Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu trên của anh D không được Tòa án chấp nhận

giải quyết trong vụ án này. Sau này có yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ anh D có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện việc kết hôn giữa chị N và anh D trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng, theo chị N thì ban đầu hai vợ chồng sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì, nhưng đến khoảng năm 2017, hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D cờ bạc, rượu chè, chị nghi ngờ anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho tới nay. Anh D xác nhận hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân là do bất đồng trong quan điểm sống, hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay.

Qua xác minh tại địa phương và gia đình thì vợ chồng chị N anh D thường xảy ra mâu thuẫn, cãi, chửi nhau nguyên nhân là do anh D quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chơi bời và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Việc hai vợ chồng không cùng chung sống nên không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, thường xuyên cãi chửi nhau, không tin tưởng nhau. Đó là nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Mặc dù chị N xin ly hôn nhưng anh D không đồng ý nhưng anh D cũng không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống của vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 20/8/2003 và cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 05/6/2005, tại thời điểm xét xử cháu Nguyễn Thị Ch đã đủ 18 tuổi và có thể lao động tự túc được nên các đương sự không đề nghị giải quyết. Còn cháu Nguyễn Thị C đang ở cùng chị N, ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu Cúc, anh D đồng ý để chị N nuôi. Hiện nay, chị N có công việc, thu nhập ổn định, có chỗ ở riêng. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, quyền lợi cũng như sự phát triển bình thường của cháu Cúc cần giao cháu Cúc cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, chị N tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nên cần chấp nhận.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Xuân D.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị C, sinh ngày 05/6/2005; Anh D không phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0001768 ngày 09/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã Q, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã nộp)

Nguyễn Văn Nghĩa